| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>XÃ NGỌC LẶC | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 154 /KH-UBND | *Ngọc Lặc, ngày 30 tháng 6 năm 2026* |

# KẾ HOẠCH
## Triển khai thực hiện Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 trên địa bàn Ngọc Lặc

Thực hiện Kế hoạch số 210/KH-UBND, ngày 24/6/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa về triển khai thực hiện Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; UBND xã Ngọc Lặc xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035, cụ thể như sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

- Bám sát các văn bản chỉ đạo của cấp trên, tiếp tục kế thừa, phát huy hiệu quả các kết quả tích cực từ Đề án 06 giai đoạn 2022 - 2025; đồng thời khắc phục những tồn tại, hạn chế; đẩy mạnh ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

- Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã, gắn với đẩy mạnh ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước, định danh và xác thực điện tử phục vụ giải quyết thủ tục hành chính (TTHC), phát triển kinh tế số, xã hội số và công dân số; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; cải cách hành chính.

- Khắc phục những tồn tại hạn chế trong năm 2025 phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ trong những năm tiếp theo.

- Huy động sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị, phát huy cao quyết tâm chính trị, trách nhiệm gương mẫu, chỉ đạo sâu sát, quyết liệt của người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội; tham gia tích cực của tổ chức, doanh nghiệp và người dân tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án 06 trên địa bàn xã theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

### 2. Yêu cầu

- Triển khai thống nhất, đồng bộ từ xã đến thôn; xác định chỉ tiêu, nhiệm vụ, lộ trình thực hiện cụ thể, tổ chức phân công trách nhiệm rõ ràng; đồng thời thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, gắn với cơ chế kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ, đôn đốc hiệu quả tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Bám sát định hướng của Trung ương, các Chiến lược phát triển kinh tế số, Chiến lược dữ liệu quốc gia, Chiến lược an ninh mạng và các văn bản chỉ đạo, chương trình, đề án quốc gia khác liên quan, vận hành Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030 theo nguyên tắc "5-3-3-2-1" (5 trụ cột trọng tâm: Pháp lý,

hạ tầng, dữ liệu, nguồn lực, an toàn - an ninh; triển khai ở 3 cấp chính quyền; hướng đến 3 giá trị cốt lõi: Văn minh xã hội, phát triển kinh tế, phòng chống tội phạm; 2 nhóm chủ thể đồng hành: Nhà nước kiến tạo và khu vực tư nhân chủ động sáng tạo; 1 quyết tâm chính trị cao độ của người đứng đầu trong toàn hệ thống), bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả thực chất.

- Thủ trưởng, người đứng đầu phải nêu cao gương mẫu, quyết tâm cao, hành động nỗ lực đối với từng nhiệm vụ được giao, lựa chọn nguồn lực thực hiện hiệu quả; xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện bảo đảm nguyên tắc 6 rõ "Rõ người, rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả", gắn với trách nhiệm chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát của người đứng đầu.

- Lấy người dân và doanh nghiệp là trung tâm, mục tiêu, chủ thể, nguồn lực, động lực của chuyển đổi số. Mọi giải pháp, nền tảng, dịch vụ số cần hướng tới thuận tiện, dễ tiếp cận, an toàn, góp phần nâng cao sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

- Đảm bảo tập trung, thống nhất trong công tác chỉ đạo, điều hành; phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cơ quan, đơn vị.

- Phát huy tối đa nguồn lực, đầu tư phát triển hạ tầng số hiện đại, an toàn, liên thông, đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quốc tế, phù hợp xu hướng phát triển công nghệ mới.

- Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo mật dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo đúng các quy định của pháp luật.

- Kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, xử lý các "điểm nghẽn"; cập nhật, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

## II. MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu tổng quát

a) Thúc đẩy phát triển, ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử mạnh mẽ, toàn diện, sâu rộng trong mọi lĩnh vực để thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, phục vụ hiệu quả các trụ cột Chính phủ số, Kinh tế số, Xã hội số góp phần thực hiện thành công các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện, Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX; Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2026 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới

sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

b) Đến năm 2030, hoàn thiện các nền tảng, tiện ích cốt lõi của Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030, đảm bảo người dân, doanh nghiệp được thụ hưởng dịch vụ số thuận tiện, nhanh chóng, an toàn, không còn rào cản về giấy tờ, TTHC theo địa giới hành chính. Xây dựng thành công hệ sinh thái dữ liệu dân cư quốc gia kết nối liên thông đa ngành, dữ liệu "Đúng, Đủ, Sạch, Sống, Thống nhất, Dùng chung" được khai thác hiệu quả phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu quản trị, điều hành.

**2. Mục tiêu cụ thể**

a) Giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030: theo phạm vi chức năng của xã tập trung triển khai 06 nhóm mục tiêu cụ thể như sau: (1) Phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và đổi mới sáng tạo chỉ đạo, điều hành; (2) Thúc đẩy phát triển kinh tế số - xã hội số; (3) Phục vụ phát triển công dân số; (4) Mở rộng hạ tầng, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ tạo lập, kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu; (5) Đảm bảo an sinh xã hội và phục vụ phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội; (6) Phục vụ nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo.

*(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Kế hoạch này).*

b) Tầm nhìn đến năm 2035: Mọi giao dịch giữa người dân và chính quyền đều được thực hiện trên môi trường số. Các cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia với dữ liệu dân cư là hạt nhân, được kết nối, chia sẻ và sử dụng hiệu quả để phục vụ xây dựng Chính quyền thông minh, cho phép ra quyết định dựa trên dữ liệu theo thời gian thực. Người dân được thụ hưởng các dịch vụ số được cá nhân hóa, tự động, thuận tiện theo từng sự kiện cuộc đời. Dữ liệu và công nghệ số được ứng dụng sâu rộng trong mọi lĩnh vực: y tế, giáo dục, giao thông, nông nghiệp, tư pháp, an ninh... Đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được nâng cao nhờ các tiện ích số. Văn hóa số, kỹ năng số trở thành phổ cập trong toàn xã hội.

## III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP, PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

**1. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về phát triển, cung cấp ứng dụng, dịch vụ số liên quan đến thông tin dân cư**

- Phối hợp rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của địa phương; đề xuất sửa đổi, bổ sung nhằm khuyến khích phát triển công dân số.

+ *Đơn vị tham mưu, thực hiện:* Văn phòng HĐND&UBND xã chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị có liên quan.

+ *Thời gian thực hiện:* Tháng 3 năm 2027.

+ *Kết quả, sản phẩm:* Báo cáo rà soát, danh mục văn bản đề nghị sửa đổi.

**2. Phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến**

- Phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh triển khai trí tuệ nhân tạo AI, Trợ lý ảo để hỗ trợ dịch vụ công, thủ tục hành chính.

+ *Đơn vị tham mưu, thực hiện:* Trung tâm phục vụ hành chính công xã.

+ *Thời gian thực hiện:* Tháng 9/2026 (theo tiến độ chung của tỉnh).

+ *Kết quả, sản phẩm:* Tham gia các nội dung theo yêu cầu của Trung tâm Phục vụ hành chính công đảm bảo chất lượng, đúng thời gian quy định và triển khai thực hiện tại địa phương khi trợ lý ảo được tích hợp trên VNeID và Cổng dịch vụ Công quốc gia.

- Phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh nghiên cứu đề xuất giải pháp "Trạm công dân số" tại các địa điểm công cộng, cơ quan hành chính và trung tâm dịch vụ theo phạm vi chức năng của địa phương.

+ *Đơn vị tham mưu, thực hiện:* Trung tâm phục vụ hành chính công xã.

+ *Thời gian thực hiện:* Quý III/2026 (theo tiến độ chung của tỉnh).

+ *Kết quả, sản phẩm:* Tham gia các nội dung theo yêu cầu của Trung tâm Phục vụ hành chính công đảm bảo chất lượng, đúng thời gian quy định và triển khai thực hiện có hiệu quả giải pháp "Trạm công dân số" trên địa bàn xã khi "Trạm công dân số" được đưa vào triển khai phổ cập.

- 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, hiệu quả.

+ *Đơn vị tham mưu, thực hiện:* Trung tâm phục vụ hành chính công xã chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị có liên quan.

+ *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

+ *Kết quả, sản phẩm:* Báo cáo kết quả tỷ lệ hồ sơ phát sinh trực tuyến hằng quý.

- Nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về dịch vụ công.

+ *Đơn vị tham mưu, thực hiện:* Trung tâm phục vụ hành chính công xã chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị có liên quan.

+ *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

+ *Kết quả, sản phẩm:* Chỉ số hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm tăng tỷ lệ tiếp nhận, giải quyết các Dịch vụ công trực tuyến đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ.

+ *Đơn vị tham mưu, thực hiện:* Trung tâm phục vụ hành chính công xã chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị có liên quan.

+ *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

+ *Kết quả, sản phẩm:* Tỷ lệ đạt trên 85%.

**3. Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội**

- Phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh ban hành danh mục nền tảng, sản phẩm số thuộc ngành, lĩnh vực tích hợp, ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước, định danh và xác thực điện tử.

+ *Đơn vị tham mưu, thực hiện:* Văn phòng HĐND&UBND xã chủ trì, phối

hợp với các phòng, đơn vị có liên quan.

+ *Thời gian thực hiện:* Tháng 3/2027.

+ *Kết quả, sản phẩm:* Danh mục nền tảng, sản phẩm số từng ngành, lĩnh vực tại địa phương được ban hành, bảo đảm tích hợp và ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước, định danh.

- Phấn đấu tỷ lệ chi trả qua tài khoản cho các đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội; lương hưu, trợ cấp Bảo hiểm xã hội qua tài khoản… đạt 100% và duy trì thường xuyên.

+ *Đơn vị tham mưu, thực hiện:* Phòng Văn hoá - Xã hội chủ trì, phối hợp với Văn phòng HĐND&UBND xã.

+ *Thời gian thực hiện:* Hoàn thành trong tháng 6/2026 và duy trì thường xuyên.

+ *Kết quả, sản phẩm:* Tỷ lệ chi trả đạt 100%.

**4. Phục vụ phát triển công dân số**

- Tích hợp các tài liệu, học liệu phục vụ công tác đào tạo, tập huấn trên nền tảng Bình dân học vụ số.

+ *Đơn vị tham mưu/thực hiện:* Phòng Văn hoá - Xã hội chủ trì phối hợp công an xã.

+ *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

+ *Kết quả, sản phẩm:* Học liệu về các lĩnh vực được tích hợp lên nền tảng Bình dân học vụ số.

- Triển khai các khóa đào tạo công dân số trên nền tảng "bình dân học vụ số" tại địa phương.

+ *Đơn vị tham mưu, thực hiện:* Phòng Văn hoá - Xã hội chủ trì, phối hợp công an xã.

+ *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

+ *Kết quả, sản phẩm:* Các khoá đào tạo.

- Bố trí ngân sách ưu tiên hỗ trợ thiết bị phục vụ phát triển kỹ năng số cho cán bộ, công chức cũng như người dân. Tăng cường, đẩy mạnh tuyên truyền các chính sách miễn giảm thuế, phí hỗ trợ người yếu thế.

+ *Đơn vị tham mưu, thực hiện:* Phòng Kinh tế.

+ *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

+ *Kết quả, sản phẩm:* Người yếu thế được hưởng các chính sách miễn giảm thuế, phí trong các hoạt động đời sống xã hội.

- Phối hợp với Thuế tỉnh Thanh Hoá tổ chức thực hiện kịp thời các chính sách miễn, giảm thuế đối với tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp và sử dụng dịch vụ số theo quy định pháp luật.

+ *Đơn vị tham mưu, thực hiện:* Phòng Kinh tế.

+ *Thời gian thực hiện:* Sau khi Bộ Tài chính có hướng dẫn.

+ *Kết quả, sản phẩm:* Hướng dẫn thực hiện chính sách tại địa phương.

**5. Mở rộng hạ tầng, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ tạo lập, kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu**

- Tham gia xây dựng, hoàn thiện và đưa vào sử dụng các CSDL quốc gia, chuyên ngành theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, Nghị quyết số 214/NQ-CP, đảm bảo "Đúng, Đủ, Sạch, Sống, Thống nhất, Dùng chung"

+ *Đơn vị tham mưu, thực hiện:* Các phòng chuyên môn, các cơ quan đơn vị trực thuộc UBND xã.

+ *Thời gian thực hiện:* Theo hướng dẫn, yêu cầu của các sở, ban, ngành cấp tỉnh.

+ *Kết quả, sản phẩm:* Đồng bộ dữ liệu về Trung tâm dữ liệu quốc gia.

- Phối hợp Sở Khoa học và công nghệ triển khai và ứng dụng nền tảng chuỗi khối quốc gia.

+ *Đơn vị tham mưu, thực hiện:* Phòng Văn hoá - Xã hội chủ trì phối hợp với các phòng, đơn vị có liên quan.

+ *Thời gian thực hiện:* Theo hướng dẫn của Bộ Công an, của Công an tỉnh.

+ *Kết quả, sản phẩm:* Đưa vào vận hành hệ thống.

- Phối hợp trong việc nghiên cứu xây dựng hệ thống định danh phi tập trung quốc gia.

+ *Đơn vị tham mưu, thực hiện:* Công an xã chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị có liên quan.

+ *Thời gian thực hiện:* Theo hướng dẫn của Bộ Công an, của Công an tỉnh.

+ *Kết quả, sản phẩm:* Hệ thống được vận hành.

- Phối hợp trong việc nghiên cứu xây dựng nền tảng quốc gia về định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

+ *Đơn vị tham mưu, thực hiện:* Phòng Kinh tế.

+ *Thời gian thực hiện:* Theo hướng dẫn của Bộ Công an, của Công an tỉnh.

+ *Kết quả, sản phẩm:* Đưa vào vận hành hệ thống.

- Tham mưu Triển khai Đề án tổng thể xây dựng nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ, giai đoạn 2026 - 2030.

+ *Đơn vị tham mưu, thực hiện:* Phòng Văn hoá - Xã hội.

+ *Thời gian thực hiện:* Sau khi Chính phủ ban hành Đề án.

+ *Kết quả, sản phẩm:* Ban hành văn bản triển khai.

- Phối hợp ban hành "Đề án xây dựng Cơ sở dữ liệu về đất đai trên địa bàn tỉnh (điều chỉnh)". Hoàn thành việc xây dựng Cơ sở dữ liệu đất đai trong phạm vi địa phương, bảo đảm kết nối, tích hợp, liên thông với Cơ sở dữ liệu quốc gia về

đất đai và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đưa vào vận hành trong năm 2026.

+ *Đơn vị tham mưu, thực hiện:* Phòng Kinh tế.

+ *Thời gian thực hiện:* Hoàn thành trong tháng 12/2026.

+ *Kết quả, sản phẩm:* Thực hiện các nội dung theo yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Môi trường đảm bảo chất lượng, đúng thời gian quy định.

- Hoàn thành việc số hóa dữ liệu đất đai phục vụ làm sạch, đồng bộ dữ liệu về Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo Kế hoạch số 101/KHUBND ngày 11/4/2026, phục vụ kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đưa vào khai thác, giải quyết các TTHC đối với các lĩnh vực liên quan đến đất đai.

+ *Đơn vị tham mưu, thực hiện:* Phòng Kinh tế.

+ *Thời gian thực hiện:* Theo kế hoạch chung toàn tỉnh.

+ *Kết quả, sản phẩm:* Dữ liệu đất đai được làm sạch.

**6. Phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành**

- Triển khai thực hiện mô hình quản trị điều hành dựa trên bản sao số trên nền tảng định danh địa điểm.

+ *Đơn vị tham mưu, thực hiện:* Phòng Văn hoá - Xã hội.

+ *Thời gian thực hiện:* Sau khi mô hình được triển khai thí điểm.

+ *Kết quả, sản phẩm:* Hoạt động hiệu quả.

- Tham gia xây dựng Khung đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số hàng năm cho các bộ, ngành, địa phương trong đó bổ sung các tiêu chí về mức độ mở dữ liệu, chia sẻ dữ liệu và cung cấp dịch vụ số cho người dân, doanh nghiệp.

+ *Đơn vị tham mưu, thực hiện:* Phòng Văn hoá - Xã hội.

+ *Thời gian thực hiện:* Thực hiện thường xuyên.

+ *Kết quả, sản phẩm:* Có văn bản tham gia ý kiến Bộ Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của các đơn vị.

**7. An sinh xã hội và phục vụ phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội**

- Triển khai chi trả an sinh xã hội trên nền tảng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử; phổ cập tài khoản an sinh xã hội trên VNeID.

+ *Đơn vị tham mưu, thực hiện:* Phòng Văn hoá - Xã hội chủ trì, phối hợp Văn phòng HĐND&UBND xã.

+ *Thời gian thực hiện:* Khi Hệ thống phục vụ chi trả an sinh xã hội trên nền tảng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử đi vào vận hành.

+ *Kết quả, sản phẩm:* Tỷ lệ chi trả đạt 100%.

- Chi trả lương hưu, bảo hiểm thất nghiệp, các khoản chi trả khác của cơ quan nhà nước đến người dân qua hệ thống định danh điện tử, hệ thống phục vụ

chi trả an sinh xã hội

+ *Đơn vị tham mưu, thực hiện:* Phòng Văn hoá - Xã hội phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan.

+ *Thời gian thực hiện:* Ngay sau khi Hệ thống đi vào vận hành.

+ *Kết quả, sản phẩm:* Tỷ lệ chi trả đạt 100%.

**8. Bảo đảm an ninh mạng**

- Phối hợp nghiên cứu, đề xuất triển khai các Trung tâm giám sát an ninh mạng, an ninh dữ liệu gắn với các Trung tâm dữ liệu và hệ thống của cơ quan nhà nước.

+ *Đơn vị tham mưu, thực hiện:* Công an xã.

+ *Thời gian thực hiện:* Theo hướng dẫn của Bộ Công an.

+ *Kết quả, sản phẩm:* Thực hiện các nội dung theo yêu cầu của Công an tỉnh đảm bảo chất lượng, đúng thời gian quy định.

- Phối hợp nghiên cứu đề xuất nâng cấp, mở rộng quy mô, phạm vi, năng lực toàn diện cho các giải pháp bảo đảm an ninh mạng tiên tiến, hiện đại tại Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư, hướng tới đạt chứng chỉ quốc tế ISO 27001.

+ *Đơn vị tham mưu, thực hiện:* Công an xã.

+ *Thời gian thực hiện:* Theo hướng dẫn của Bộ Công an.

+ *Kết quả, sản phẩm:* Thực hiện các nội dung theo yêu cầu của Công an tỉnh đảm bảo chất lượng, đúng thời gian quy định.

- Rà soát, triển khai các giải pháp đảm bảo an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo mật thiết bị đầu cuối.

+ *Đơn vị tham mưu, thực hiện:* Văn phòng HĐND&UBND xã.

+ *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

+ *Kết quả, sản phẩm:* Các hệ thống, thiết bị được rà soát, triển khai đảm bảo.

**9. Kiểm tra, giám sát, đo lường và đánh giá triển khai**

- Phối hợp thanh tra, kiểm tra việc kết nối, chia sẻ, sử dụng dữ liệu liên quan đến dữ liệu dân cư đảm bảo sử dụng đúng mục đích và đúng quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước.

+ *Đơn vị tham mưu, thực hiện:* Công an xã.

+ *Thời gian thực hiện:* Khi có yêu cầu, kế hoạch của Công an tỉnh.

+ *Kết quả, sản phẩm:* Kế hoạch kiểm tra.

- Phối hợp tổ chức thanh tra, kiểm tra, đánh giá công tác bảo đảm an ninh mạng của cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức chủ quản các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong và ngoài nhà nước có kết nối, khai thác dịch vụ dữ liệu dân cư và định danh - xác thực điện tử.

+ *Đơn vị tham mưu, thực hiện:* Công an xã

+ *Thời gian thực hiện:* Khi có yêu cầu, kế hoạch của Công an tỉnh.

+ *Kết quả, sản phẩm:* Các hệ thống được kiểm tra đảm bảo an ninh, an toàn.

- Kiểm tra công vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công

+ *Đơn vị tham mưu, thực hiện:* Phòng Văn hoá - Xã hội

+ *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

+ *Kết quả, sản phẩm:* Kế hoạch kiểm tra.

- Đánh giá mức độ hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính, kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp trên ứng dụng VNeID; cập nhật kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao dựa trên kết quả chấm điểm trên phần mềm theo dõi giám sát Đề án 06 (dean06.vn) để theo dõi, đánh giá.

+ *Đơn vị tham mưu, thực hiện:* Văn phòng HĐND&UBND xã

+ *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

+ *Kết quả, sản phẩm:* Chỉ số mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

- Theo dõi, nắm tình hình giải quyết TTHC đối với người dân, doan nghiệp; kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp tồn đọng, gây phiền hà, nhũng nhiễu, phát sinh phản ánh, khiếu nại, tố cáo về hành vi sai phạm theo quy định.

+ *Đơn vị tham mưu, thực hiện:* Văn phòng HĐND&UBND xã

+ Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

+ Kết quả, sản phẩm: Báo cáo kết quả.

## IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp (bao gồm chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên); nguồn vốn lồng ghép trong các chương trình, đề án có liên quan và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Hàng năm, căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch, Công an xã có trách nhiệm phối hợp Phòng Kinh tế lập dự toán kinh phí thực hiện Đề án 06 trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Khuyến khích huy động các nguồn lực hợp pháp khác từ xã hội, doanh nghiệp để triển khai Kế hoạch.

## V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chủ tịch UBND xã điều hành toàn diện hoạt động của Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 trên địa bàn xã.

2. Các đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã giúp UBND xã, Chủ tịch UBND xã chỉ đạo các phòng, cơ quan, đơn vị thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được quy định tại Kế hoạch này.

3. Công an xã, các phòng chuyên môn UBND xã:

**3.1. Công an xã**

- Là cơ quan thường trực tham mưu tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch này. Thực hiện các nội dung nhiệm vụ phục vụ vận hành, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử; bảo đảm an ninh, an toàn, tính sẵn sàng cao của các hệ thống phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu theo chỉ đạo của Bộ Công an, của tỉnh.

- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo mục III của Kế hoạch này; chủ động tham mưu triển khai thực hiện các nội dung nhiệm vụ Đề án 06 khác theo hướng dẫn, chỉ đạo của Công an tỉnh; đồng thời tham mưu theo dõi, đôn đốc các phòng, cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Tham mưu cho UBND xã tự tổ chức kiểm tra, thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước được giao đối với việc triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vi phạm theo thẩm quyền.

- Tham mưu tổng hợp, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch; định kỳ trước ngày 10 hàng tháng báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về Công an tỉnh theo yêu cầu.

**3.2. Văn phòng HĐND&UBND xã**

- Phối hợp với Công an xã tổng hợp, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch; định kỳ trước ngày 10 hàng tháng báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về Công an tỉnh, báo cáo Đảng uỷ, UBND tỉnh và các sở, ban, ngành cấp tỉnh theo yêu cầu.

- Tham mưu phối hợp với Công an xã chuẩn bị các điều kiện phục vụ hội nghị triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hội giao ban, hội nghị sơ kết…

**3.3. Phòng Văn hóa - Xã hội**

- Tham mưu đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân trên địa bàn sử dụng các tiện ích của Đề án 06, coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng.

- Chủ động tham mưu triển khai thực hiện các nội dung nhiệm vụ Đề án 06 khác theo hướng dẫn, chỉ đạo của bộ, ngành Trung ương ngành dọc có liên quan.

- Chủ trì, phối hợp tổ chức các buổi tập huấn, tuyên truyền, hướng dẫn kỹ năng số cho cán bộ và nhân dân;

- Phối hợp tham mưu, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, phê bình các tập thể, cá nhân chậm trễ, chưa hoàn thành nhiệm vụ được giao.

**3.4. Trung tâm Phục vụ hành chính công**

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo mục III của Kế hoạch này; chủ động tham mưu triển khai thực hiện các nội dung nhiệm vụ Đề án 06 khác theo hướng dẫn, chỉ đạo của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

**3.5. Phòng Kinh tế**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp, tham mưu, trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí (bao gồm kinh phí chi thường xuyên và vốn đầu tư phát triển) phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án của Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công. Đồng thời, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch này đảm bảo hiệu quả, đúng quy định của pháp luật và phòng, chống lãng phí.

- Chủ động tham mưu triển khai thực hiện các nội dung nhiệm vụ Đề án 06 khác theo hướng dẫn, chỉ đạo của bộ, ngành Trung ương ngành dọc có liên quan.

**3.6. Trưởng các thôn trên địa bàn xã**

Phối hợp với các phòng chuyên môn, các cơ quan đơn vị, các tổ chức đoàn thể liên quan tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả nội dung trong kế hoạch. Tổ chức hướng dẫn, hỗ trợ người dân trong thôn các kỹ năng cơ bản về chuyển đổi số.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 trên địa bàn xã; yêu cầu Trưởng các phòng chuyên môn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này, chịu trách nhiệm trước UBND xã về kết quả, tiến độ thực hiện; đồng thời thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ thông tin báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu. Quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc báo cáo bằng văn bản gửi về UBND xã (qua Công an xã) để xem xét, giải quyết./.

***Nơi nhận:***
- Công an tỉnh (để b/c);
- Văn phòng UBND tỉnh (để b/c);
- TTr Đảng ủy, HĐND xã (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã (để b/c);
- Các phòng, cơ quan, đơn vị xã (t/h);
- Các thôn trên địa bàn xã (t/h);
- Lưu: VT, VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**CHỦ TỊCH**

U.B.N.D XÃ NGỌC LẶC T.THANH HÓA

**Lê Công Tâm**

**Phụ lục I**

**MỤC TIÊU CỤ THỂ PHÁT TRIỂN ĐỀ ÁN 06 GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND xã)*

| STT | MỤC TIÊU CỤ THỂ | ĐƠN VỊ TÍNH | MỤC TIÊU | | | | | ĐƠN VỊ THEO DÕI |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Năm 2026 | Năm 2027 | Năm 2028 | Năm 2029 | Năm 2030 | |
| **I** | **Phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và đổi mới sáng tạo chỉ đạo, điều hành** | | | | | | | |
| 1. | Tỷ lệ dịch vụ công, thủ tục hành chính (TTHC) hoàn thành việc ban hành danh mục các trường thông tin cần cung cấp tương ứng với Hệ thống từ điển dữ liệu dùng chung để cắt giảm tự động khi đảm bảo dữ liệu. | % | 50 | 60 | 70 | 75 | 80 | Trung tâm Phục vụ hành chính công xã |
| 2. | Tỷ lệ dịch vụ công, TTHC được cắt giảm thành phần hồ sơ, giấy tờ khi thành phần hồ sơ, giấy tờ đã được tích hợp trên VNeID hoặc khi đáp ứng toàn trình về dữ liệu. | % | 50 | 60 | 70 | 75 | 80 | Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, Công an xã |
| 3. | Tỷ lệ dịch vụ công, TTHC được thông báo trạng thái, kết quả xử lý hồ sơ và đồng bộ kết quả trên VNeID. | % | 50 | 60 | 70 | 75 | 100 | Công an xã, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã |
| 4. | Tỷ lệ cá nhân, doanh nghiệp có tài khoản định danh điện tử được cung cấp phương thức để nhận thông báo từ Cơ quan nhà nước và phản ánh kiến nghị với cơ quan nhà nước qua VNeID. | % | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | Công an xã |
| 5. | Tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến trên tổng số hồ sơ dịch vụ công. | % | 80 | 85 | 87 | 90 | 90 | Trung tâm Phục vụ hành chính công xã |
| 6. | Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về dịch vụ công. | % | 95 | | | | | Trung tâm Phục vụ hành chính công xã |
| 7. | Tích hợp hệ thống Trung tâm điều hành thông minh của tỉnh với hệ thống Trung tâm dữ liệu dân cư phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành. | % | 100 | | | | | Công an xã |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 8. | Tỷ lệ phổ cập địa chỉ số, định danh địa điểm đối với nhà ở và trụ sở cơ quan tổ chức. | % | - | - | - | - | 100 | Công an xã |
| 9. | Tỷ lệ các thủ tục hành chính, dịch vụ công được nộp hồ sơ "phi địa giới". | % | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | Trung tâm Phục vụ hành chính công xã |
| **II** | **Thúc đẩy phát triển kinh tế số - xã hội số** | | | | | | | |
| 1. | Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong thực hiện dịch vụ công. | % | 60 | 65 | 70 | 75 | 80 | Trung tâm Phục vụ hành chính công xã |
| 2. | Tỷ lệ doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên các sàn thương mại điện tử được định danh điện tử và kết nối thông tin kinh doanh với cơ quan thuế để đảm bảo kê khai - nộp thuế minh bạch. | % | 100 | | | | | Phòng Kinh tế |
| 3. | Tỷ lệ khách hàng có thể định danh, xác thực bằng thẻ Căn cước và tài khoản VNeID khi sử dụng dịch vụ tài chính. | % | 50 | 60 | 70 | 80 | 100 | Phòng Kinh tế; Công an xã |
| 4. | Tỷ lệ thông tin thuê bao di động được xác thực với CSDLQG về dân cư, căn cước hoặc định danh điện tử. | % | 100 | | | | | Phòng VHXH, Công an xã |
| 5. | Tỷ lệ bệnh viện, trường học triển khai thanh toán không dùng tiền mặt; sử dụng thẻ căn cước thay thế thẻ BHYT, thẻ sinh viên. | % | 50 | 60 | 70 | 80 | 90 | Phòng VHXH, Công an xã |
| 6. | Tỷ lệ giao dịch thương mại điện tử và vận chuyển sử dụng dữ liệu địa điểm. | % | 80 | 85 | 90 | 95 | 100 | Phòng Kinh tế; Công an xã |
| 7. | Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khai thác. | % | 86 | 88 | 90 | 92 | 95 | Phòng Kinh tế; Phòng VHXH |
| 8. | Tỷ lệ giao dịch thương mại điện tử sử dụng thanh toán điện tử | % | 80 | | | | 90 | Phòng Kinh tế |
| 9. | Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử liên thông, dùng thống nhất trong khám chữa bệnh. | % | - | - | - | - | 100 | Phòng VHXH; Trạm Y tế |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 10 | Bảo đảm kết nối, chia sẻ, liên thông đồng bộ giữa các hệ thống: Hồ sơ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử, đơn thuốc điện tử và bảo hiểm y tế. | - | - | - | - | - | - | |
| 11 | Mỗi người dân sẽ có một sổ sức khỏe điện tử cá nhân được theo dõi suốt vòng đời. | - | - | - | - | - | - | |
| **III** | **Phục vụ phát triển công dân số** | | | | | | | |
| 1. | Đảm bảo mỗi công dân được cấp căn cước, có một danh tính điện tử duy nhất, an toàn và được pháp luật bảo vệ. | % | 100 | - | - | - | - | Công an xã |
| 2. | Đảm bảo quyền của công dân trong việc kiểm soát, quản lý thông tin cá nhân và lịch sử hoạt động số trên nền tảng VNeID. | % | 100 | - | - | - | - | Công an xã |
| 3. | Tỷ lệ người dân được cấp căn cước có tài khoản định danh điện tử mức độ 2. | % | ≥80 | 85 | 90 | 95 | 100 | Công an xã |
| 4. | Cấp tài khoản định danh điện tử cho người nước ngoài đủ điều kiện. | % | 80 | 85 | 90 | 95 | 100 | Công an xã |
| 5. | Số lượng tài khoản VNeID hoạt động thường xuyên. | % | 40 | 45 | 50 | 60 | 70 | Công an xã |
| 6. | Tỷ lệ cán bộ cơ quan nhà nước được tập huấn kỹ năng số cơ bản | % | 100 | - | - | - | - | Phòng VHXH |
| 7. | Cung cấp học liệu và tổ chức khóa học trên nền tảng Bình dân học vụ số. | Học liệu/khóa học | Có | Có | Có | Có | Có | Công an xã |
| 8. | Hoàn thành phổ cập kỹ năng số cơ bản cho lực lượng lao động. | % | 50 | 60 | 70 | 80 | 90 | Phòng VHXH |
| 9. | Các chương trình phổ cập kỹ năng số, an toàn trong không gian mạng được đưa vào các trường học. | % | 100 | - | - | - | - | Văn Phòng HĐND&UBND xã |
| 10. | Tích hợp tài khoản an sinh xã hội trên VNeID. | % | 100 | - | - | - | - | Công an xã |
| **IV** | **Mở rộng hạ tầng, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ tạo lập, kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu** | | | | | | | |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1. | Hoàn thành ban hành danh mục trường thông tin dữ liệu gốc, dữ liệu chủ, dữ liệu tham chiếu, trong đó đảm bảo cập nhật, đồng bộ danh mục lên hệ thống từ điển dữ liệu dùng chung; xác định cụ thể các trường thông tin tham chiếu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; danh tính điện tử của tổ chức, người nước ngoài. | | | | | | | |
| 2. | Tỷ lệ cá nhân, tổ chức doanh nghiệp được chủ động cung cấp thông tin của mình trên VNeID. | % | 100 | - | - | - | - | Công an xã |
| 3. | Tỷ lệ dân số được phủ sóng mạng di động 5G. | % | 60 | 70 | 80 | 90 | 95 | Phòng VHXH |
| **V** | **Đảm bảo an sinh xã hội và phục vụ phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội** | | | | | | | |
| 1. | Tỷ lệ công dân có tài khoản hưởng an sinh xã hội. | % | 50 | 60 | 70 | 80 | 100 | Phòng VHXH |
| 2. | Tỷ lệ người hưởng trợ cấp, lương hưu nhận qua tài khoản an sinh xã hội. | % | 100 | - | - | - | - | Phòng VHXH, Bảo hiểm xã hội |
| 3. | Tỷ lệ tội phạm sử dụng giấy tờ giả, danh tính giả giảm. | % | ≥70 | 72 | 75 | 77 | 80 | Công an xã |
| 4. | Tỷ lệ thông tin đối tượng vi phạm pháp luật có thể tra cứu qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. | % | 100 | - | - | - | - | Công an xã |